

## ***Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024***

Bảo hiểm Bảo Việt dễ cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ cho khách hàng cá nhân và tổ chức (thông qua các điểm giao dịch/kênh bán tại SHB):

### **+ Danh mục các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ:**

- Các sản phẩm chính: hỗn hợp, liên kết đầu tư chung, liên kết đầu tư theo đơn vị (Tên của sản phẩm: Đồng Hành Thịnh Vượng/An Tâm Song Hành, Cuộc Sống Thịnh Vượng/An Thịnh Đầu Tư, Đại gia An phúc, Cuộc sống tươi đẹp/An Phúc Hưng Thịnh).
- Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (bán kèm sản phẩm chính): tai nạn, hỗ trợ viện phí, chăm sóc sức khỏe, từ bỏ thu phí người hôn phối, bệnh hiểm nghèo).

### **+ Danh mục sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ: ô tô, nhà, tài sản khác, trách nhiệm dân sự, sức khỏe, tai nạn, du lịch.**

### **+ Danh mục các dịch vụ/tiện ích/chương trình ưu đãi dành cho khách hàng cá nhân/tổ chức tham gia bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ tại SHB - áp dụng trong từng thời kỳ.**

### **- Dịch vụ kiều hối:**

- + Dịch vụ chuyển tiền định cư, thừa kế: cung cấp giải pháp chuyển tiền ra nước ngoài hợp lý, an toàn và thuận tiện nhất.
- + Dịch vụ chuyển tiền du học: giúp khách hàng thanh toán các chi phí cho mục đích học tập, hỗ trợ du học sinh nhanh chóng ổn định cuộc sống ở nước ngoài.
- + Dịch vụ chuyển tiền khám chữa bệnh và sinh hoạt phí cho người bệnh ở nước ngoài: giúp khách hàng thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình chữa trị, an tâm dưỡng bệnh ở nước ngoài.
- + Dịch vụ chuyển tiền trợ cấp thân nhân: giúp khách hàng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu hỗ trợ cho thân nhân ở nước ngoài.
- + Dịch vụ chuyển các loại phí và lệ phí: giúp khách hàng thanh toán các khoản phí khi sử dụng các dịch vụ ở nước ngoài.
- + Dịch vụ chuyển tiền thăm viếng, du lịch, công tác: giúp khách hàng chi trả các chi phí của chuyến đi, yên tâm suốt hành trình ở nước ngoài.

### **- Gói sản phẩm dịch vụ dành cho đối tượng khách hàng mục tiêu:**

Ngoài các sản phẩm dịch vụ tài chính riêng lẻ, SHB chú trọng xây dựng các gói sản phẩm dịch vụ dành cho các đối tượng khách hàng mục tiêu nhằm may đo sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu cụ thể của từng nhóm khách hàng, bao gồm:

- + Gói sản phẩm dịch vụ cho khách hàng cá nhân cao cấp (khách hàng tiêu biểu, khách hàng Premier);
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng trẻ thành đạt (SHB Star);
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV các doanh nghiệp lớn: T&T, VNPT, Stavian, Opec, Inmexpharm...
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV Kho bạc nhà nước;
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng và CBNV các bệnh viện hợp tác với SHB;

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

- + Gói sản phẩm dành cho khách hàng là CBNV các Đơn vị Hành chính sự nghiệp;
- + Gói sản phẩm dành cho các khách hàng là CBNV các Đơn vị trả lương qua SHB.

• **Sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng tổ chức:**

- ***Huy động, Dịch vụ và Thanh toán: SHB cung cấp các giải pháp toàn diện về dịch vụ tài khoản dành cho khách hàng doanh nghiệp bao gồm:***

<b>Huy động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ SHB cung cấp đầy đủ các sản phẩm tiền gửi theo các kỳ hạn linh hoạt theo Ngày, trả lãi đầu kỳ, cuối kỳ hoặc định kỳ.</li> <li>+ Tiền gửi I-Saving: Cung cấp giải pháp cho phép khách hàng mở một lúc nhiều tài khoản tiền gửi với kỳ hạn khác nhau trên cùng một Hợp đồng tiền gửi.</li> <li>+ Các sản phẩm Kỳ phiếu ghi danh, Chứng chỉ tiền gửi.</li> </ul>
<b>Dịch vụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các sản phẩm về quản lý vốn và dòng tiền: Quản lý tài khoản tập trung, Gói tài khoản quản lý vốn đầu tư nước ngoài, Gói sản phẩm Quản lý dòng tiền (tối ưu các khoản phải thu, phải trả, quản lý thanh khoản).</li> <li>+ Các sản phẩm về tài khoản: Dịch vụ trả lương, Tài khoản số đẹp, Thẻ tín dụng Doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>Thanh toán</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dịch vụ thu nộp thuế hải quan điện tử 24/7.</li> <li>+ Thu hộ tiền hàng cho Công ty MTV Habeco</li> </ul>
<b>Các Chương trình/ Gói giải pháp tổng thể các nhu cầu của khách hàng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Gói Combo tài khoản thanh toán dành cho Khách hàng tổ chức (gói tài khoản thanh toán/Combo): khách hàng khi tham gia sẽ được hưởng toàn bộ các ưu đãi khi đạt mức số dư bình quân tài khoản đăng ký. Ưu đãi bao gồm các dịch vụ về thanh toán (ebanking, tại quầy), các dịch vụ về SMS, Tài khoản số đẹp.</li> <li>+ Gói Sản phẩm dịch vụ dành cho nhóm khách hàng doanh nghiệp FDI: Miễn phí các dịch vụ Tài khoản thanh toán, Miễn phí đăng ký và các giao dịch trên Ngân hàng điện tử Ebanking, Giảm 50% phí giao dịch thanh toán quốc tế, tặng Tài khoản số đẹp.</li> </ul>

- ***Tín dụng:***

SHB tập trung thiết kế các giải pháp tín dụng nhằm phục vụ nhu cầu của các khách hàng doanh nghiệp theo đặc thù các ngành kinh tế của từng địa bàn/vùng miền. Trong đó, SHB đi sâu vào các giải pháp tổng thể cho toàn bộ hệ sinh thái bao gồm các chuỗi cung cấp/ chuỗi phân phối lấy các khách hàng doanh nghiệp lớn làm trọng tâm.

<b>Nhóm Sản phẩm trọn gói phục vụ các chuỗi cung cấp/ chuỗi phân phối của các khách hàng doanh nghiệp lớn.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản phẩm tín dụng dành cho các đối tác đầu ra của khách hàng doanh nghiệp lớn: SHB cấp sẵn một Hạn mức tín dụng tín chấp cho khách hàng để chủ động hỗ trợ cho các đối tác đầu ra của mình. Theo đó, các đối tác đầu ra này được SHB cấp tín dụng tín chấp dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đã được thống nhất giữa SHB và khách hàng.</li> <li>+ Sản phẩm Tài trợ Nhà cung cấp: SHB cấp tín dụng cho chuỗi các nhà cung cấp đầu vào, dựa trên khoản phải thu của các khách hàng doanh nghiệp là Bên mua hàng đã được lựa chọn với tỷ lệ tài trợ lên đến 95% cho các tài sản bảo đảm là Quyền đòi nợ.</li> </ul>
--	---



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản phẩm Tài trợ Nhà thầu cho VNPT-NET: SHB cấp tín dụng tín chấp lên đến 30% Hạn mức, trong đó cơ cấu tài sản bảo đảm là Quyền đòi nợ phát sinh từ bên mua hàng là VNPT-NET lên đến 60% Hạn mức được cấp. Tỷ lệ tín chấp đối với Bảo lãnh dự thầu và Bảo lãnh bảo lãnh lên đến 100%</li> </ul>
<b>Sản phẩm tín dụng theo lĩnh vực/ ngành nghề kinh tế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy định sản phẩm Tài trợ cho Doanh nghiệp Xây lắp</li> <li>+ Sản phẩm tài trợ trọn gói dự án điện mặt trời dành cho khách hàng doanh nghiệp</li> <li>+ Gói sản phẩm tài trợ Khách hàng doanh nghiệp ngành nhựa</li> <li>+ Quy định cấp tín dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu</li> <li>+ Tài trợ các Đại lý kinh doanh phân phối ô tô</li> </ul>
<b>Nhóm sản phẩm tín dụng cơ bản dành cho phân khúc SME, SME siêu nhỏ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhóm các Sản phẩm Thấu chi doanh nghiệp</li> <li>+ Quy định về sản phẩm Tài trợ gia tăng - Gắn kết bền lâu dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ</li> <li>+ Quy định về sản phẩm tài trợ hóa đơn dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ</li> <li>+ Quy định sản phẩm cấp tín dụng siêu tốc dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ</li> <li>+ Cho vay vốn lưu động trả góp</li> <li>+ Cho vay doanh nghiệp mua ô tô không bao gồm mục đích kinh doanh</li> <li>+ Cho vay doanh nghiệp mua phương tiện vận tải phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, Logistic.</li> </ul>
<b>Nhóm sản phẩm về Bảo lãnh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ SHB cung cấp đầy đủ các loại bảo lãnh bao gồm Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh Bảo hành, Bảo lãnh hoàn tạm ứng, Bảo lãnh thanh toán với tỷ lệ cạnh tranh và điều kiện phát hành linh hoạt</li> </ul>
<b>Nhóm sản phẩm về Tài trợ thương mại</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng theo L/C</li> <li>+ L/C UPAS (L/C trả chậm được phép thanh toán ngay)</li> <li>+ Cho vay bảo đảm bằng Bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức thư tín dụng, nhờ thu</li> <li>+ Chiết khấu hối phiếu đòi nợ kèm Bộ chứng từ xuất khẩu</li> </ul>

**- Dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho KHDN: áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp có tài khoản thanh toán tại SHB**

Đối với KHDN, SHB cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng nhằm mang tới cho khách hàng kênh giao dịch thay thế thuận tiện, dễ dàng và bảo mật, bao gồm:

- + Linh hoạt lựa chọn các cấp nhập – kiểm soát – phê duyệt theo quy mô của Doanh nghiệp với phương thức xác thực an toàn cho từng cấp giao dịch.
- + Thanh toán chuyển tiền 24/7 trong và ngoài ngân hàng SHB thuận tiện cho hành trình thanh toán đối tác của Doanh nghiệp.
- + Thanh toán lương và thanh toán lô với số lượng lớn.
- + Thanh toán hóa đơn (điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cáp...), mua vé máy

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

bay/tàu xe, đặt phòng khách sạn ...

- + Truy vấn, sao kê tài khoản, sao kê sổ phụ trực tuyến.
- + Quản lý dòng tiền, quản lý chuỗi phân phối.
- + Thấu chi, quản lý hạn mức thấu chi tối ưu nguồn vốn của Doanh nghiệp.
- + Sẵn sàng kết nối linh hoạt với hệ thống quản trị của Doanh nghiệp.

➤ **Cơ cấu doanh thu**

**Bảng 7: Cơ cấu doanh thu của SHB giai đoạn 2022 – 9 tháng/2024 (Công ty mẹ)**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	38.265	55.922	33.645	90,1	91,7	92,5
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	932	747	750	2,2	1,2	2,1
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.114	2.875	1.249	5,0	4,7	3,4
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	27	737	38	0,1	1,2	0,1
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	436	184	(24)	1,0	0,3	-0,1
6	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	69	1	-	0,1	0,0
7	Thu nhập từ hoạt động khác	717	470	720	1,6	0,8	2,0
	<b>Tổng cộng thu nhập hoạt động</b>	<b>42.491</b>	<b>61.004</b>	<b>36.379</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 8: Cơ cấu doanh thu của SHB giai đoạn 2022 – 9 tháng/2024 (Hợp nhất)**

ST T	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	40.774	57.589	34.607	89,5	91,4	92,4
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.242	913	773	2,7	1,4	2,1
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.293	3.039	1.374	5,0	4,8	3,7
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4	743	15	0,0	1,2	0,0
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	436	184	(24)	1,0	0,3	-0,1
6	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	69	1	-	0,1	0,0
7	Thu nhập từ hoạt động khác	808	501	723	1,8	0,8	1,9
	<b>Tổng cộng thu nhập hoạt động</b>	<b>45.557</b>	<b>63.038</b>	<b>37.469</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

➤ **Cơ cấu thu nhập thuần**

**Bảng 9: Cơ cấu thu nhập thuần của SHB giai đoạn 2022 – 9 tháng/2024 (Công ty mẹ)**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi thuần	15.562	18.096	12.217	90,7	90,4	90,7
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	707	449	521	4,1	2,2	3,9
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	131	281	46	0,8	1,4	0,3
4	Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	27	737	38	0,2	3,7	0,3
5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	94	28	-24	0,5	0,1	-0,2
6	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	10	1	-	0,0	0,0
7	Lãi thuần từ hoạt động khác	629	411	672	3,7	2,1	5,0
	<b>Tổng cộng thu nhập thuần</b>	<b>17.150</b>	<b>20.012</b>	<b>13.471</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 10: Cơ cấu thu nhập thuần của SHB giai đoạn 2022 - 9 tháng/2024 (Hợp nhất)**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi thuần	17.550	19.285	12.844	90,7	90,4	91,3
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	891	545	517	4,6	2,6	3,7
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	116	282	48	0,6	1,3	0,3
4	Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	4	743	15	0,0	3,5	0,1
5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	93	28	-24	0,5	0,1	-0,2
6	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	11	1		0,1	0,0
7	Lãi thuần từ hoạt động khác	687	434	674	3,6	2,0	4,8
	<b>Tổng cộng thu nhập thuần</b>	<b>19.341</b>	<b>21.328</b>	<b>14.075</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

**8.1.2. Hoạt động huy động vốn**

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của SHB phần lớn từ thị trường trong nước.

**a) Nguồn vốn huy động**

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của SHB. Nguồn vốn huy động của SHB bao gồm:

- Tiền gửi và vay NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi của khách hàng
- Phát hành giấy tờ có giá

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

**Bảng 11: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	9.715	2,0%	1.334	0,2%	-86,3%	1.261	0,2%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	76.827	16,0%	69.323	12,4%	-9,8%	105.724	17,2%
Tiền gửi của khách hàng	358.448	74,5%	444.628	79,4%	24,0%	468.314	76,4%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	1.616	0,3%	1.611	0,3%	-0,3%	1.497	0,2%
Phát hành Giấy tờ có giá	34.676	7,2%	42.822	7,7%	23,5%	36.548	6,0%
Tổng cộng	481.282	100%	559.718	100%	16,3%	613.344	100%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	475.167	98,73%	551.629	98,55%	16,09%	605.784	98,77%
Ngoài nước	6.115	1,27%	8.089	1,45%	32,28%	7.560	1,23%
Tổng cộng	481.282	100%	559.718	100%	16,3%	613.344	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SIIB

**Bảng 12: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	9.715	2,0%	1.334	0,2%	-86,3%	1.261	0,2%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	78.284	16,1%	70.766	12,5%	-9,6%	107.670	17,4%
Tiền gửi của khách hàng	361.676	74,2%	447.503	79,3%	23,7%	471.799	76,2%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	1.616	0,3%	1.611	0,3%	-0,3%	1.497	0,2%
Phát hành Giấy tờ có giá	36.440	7,5%	42.822	7,6%	17,5%	36.548	5,9%



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	487.731	100,0%	564.036	100,0%	15,6%	618.775	100%
<b>II. Trong nước/Ngoài nước</b>							
Trong nước	475.167	97,4%	551.629	97,8%	16,1%	605.784	97,9%
Ngoài nước	12.564	2,6%	12.407	2,2%	-1,2%	12.991	2,1%
Tổng cộng	487.731	100%	564.036	100%	15,6%	618.775	100%

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

Tổng số dư huy động vốn cuối năm 2023 của SHB đạt 564.036 tỷ VND, tăng 15,6% so với cuối năm 2022, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Thị trường 1 (Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá), chiếm 86,9% tổng nguồn vốn huy động. Loại tiền được sử dụng chủ yếu là Đồng Việt Nam. Tính đến thời điểm 30/09/2024, tổng số dư huy động vốn hợp nhất của SHB tăng nhẹ so với cuối năm 2023, đạt 618.775 tỷ đồng.

**b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá**

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành đạt 42.822 tỷ VND, tăng 17,5% so với cuối năm 2022, chủ yếu do SHB phát hành thêm trái phiếu và giấy tờ có giá khác. Việc phát hành giấy tờ có giá của SHB không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường. Tại thời điểm 30/09/2024, số dư Giấy tờ phát hành có giá của SHB giảm còn 36.548 tỷ đồng.

**c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng**

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình 76% tổng nguồn vốn huy động của SHB trong giai đoạn 2022 - 2023. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư.

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

**Bảng 13: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)**

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
	<b>Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)</b>	<b>358.448</b>	<b>444.628</b>	<b>468.314</b>
<b>1</b>	<b>Phân theo khách hàng (%)</b>			
-	Cá nhân	64,00%	70,19%	71,82%
-	Tổ chức	36,00%	29,81%	28,18%
<b>2</b>	<b>Phân theo kỳ hạn (%)</b>			
-	Tiền gửi không kỳ hạn	6,93%	9,47%	6,56%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	92,54%	90,11%	93,08%
-	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,00%	0,00%	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,53%	0,42%	0,36%
<b>3</b>	<b>Phân theo loại tiền (%)</b>			
-	VND	98,16%	98,41%	98,28%
-	Ngoại tệ	1,84%	1,59%	1,72%

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 14: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)**

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
	<b>Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)</b>	<b>361.676</b>	<b>447.503</b>	<b>471.799</b>
<b>1</b>	<b>Phân theo khách hàng (%)</b>			
-	Cá nhân	63,83%	69,95%	71,54%
-	Tổ chức	36,17%	30,05%	28,46%
<b>2</b>	<b>Phân theo kỳ hạn (%)</b>			
-	Tiền gửi không kỳ hạn	7,11%	9,63%	6,75%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	92,36%	89,95%	92,89%
-	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,00%	0,00%	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,53%	0,43%	0,36%
<b>3</b>	<b>Phân theo loại tiền (%)</b>			
-	VND	97,39%	97,77%	97,55%
-	Ngoại tệ	2,61%	2,23%	2,45%

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

Về cơ cấu, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm gần 63,8% tại thời điểm 31/12/2022 và 70% tại thời điểm 31/12/2023). Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng chiến lược phát triển của SHB là Ngân hàng bán lẻ trong những năm qua.



### **Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của SHB chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 90% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tại thời điểm 31/12/2023, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 9,63%, tiền gửi có kỳ hạn chiếm 89,95% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 30/09/2024, tiền gửi không kỳ hạn đạt mức 6,75%, tiền gửi có kỳ hạn ở mức 92,89% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 97% tổng tiền gửi của khách hàng). Tỷ trọng tiền gửi nội tệ lần lượt đạt 97,77% và 97,55% tổng số dư tiền gửi của khách hàng tại ngày 31/12/2023 và 30/09/2024.

**Bảng 15: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/09/2024
VND	351.853	437.521	24,35%	460.243
Ngoại tệ	6.595	7.107	7,76%	8.071
<b>Tổng</b>	<b>358.448</b>	<b>444.628</b>	<b>24,04%</b>	<b>468.314</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 16: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/09/2024
VND	352.226	437.482	24,20%	460.223
Ngoại tệ	9.450	10.021	6,05%	11.576
<b>Tổng</b>	<b>361.676</b>	<b>447.503</b>	<b>23,73%</b>	<b>471.799</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

#### **8.1.3. Hoạt động tín dụng**

##### **a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng**

Tín dụng của SHB tăng trưởng đều qua các năm, trong đó năm 2022 là 8,2% và năm 2023 đạt 13,7%. Với mục tiêu phát triển bền vững, SHB xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

*Xét về kỳ hạn các khoản vay:*

Tại ngày 31/12/2023, dư nợ cho vay trung dài hạn của SHB theo số liệu hợp nhất chiếm 57,9% tổng dư nợ cho vay khách hàng, tăng 23,72% so với cuối năm 2022. Trong khi đó, dư nợ cho vay ngắn hạn tại 31/12/2023 là 184.513 tỷ VND (tương đương 42,1%), tăng 2,3% so với thời điểm cuối năm 2022. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được SHB chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Kết thúc 30/09/2024, dư nợ cho vay khách hàng của SHB theo số liệu hợp nhất đạt 480.984 tỷ đồng, tăng 9,7% so với thời điểm cuối năm 2023. Trong đó, tỷ trọng dư nợ cho vay ngắn hạn và trung dài hạn lần lượt là 42,7% và 57,2%, tương đối ổn định qua các năm.

**Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	172.853	47,4%	177.972	41,9%	3,0%	199.044	42,6%
2	Nợ trung hạn	76.809	21,0%	97.484	23,0%	26,9%	115.917	24,8%
3	Nợ dài hạn	115.385	31,6%	149.245	35,1%	29,4%	152.507	32,6%
	<b>Tổng</b>	<b>365.047</b>	<b>100%</b>	<b>424.701</b>	<b>100%</b>	<b>16,3%</b>	<b>467.468</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 18: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	180.372	46,8%	184.513	42,1%	2,3%	205.398	42,7%
2	Nợ trung hạn	82.300	21,3%	97.605	22,3%	18,6%	116.149	24,1%
3	Nợ dài hạn	122.961	31,9%	156.346	35,6%	27,2%	159.437	33,1%
	<b>Tổng</b>	<b>385.633</b>	<b>100,0%</b>	<b>438.464</b>	<b>100%</b>	<b>13,7%</b>	<b>480.984</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

**Xét về nhóm ngành cho vay:**

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của SHB. Tính đến 30/09/2024, các khoản vay phục vụ nhóm khách hàng này chiếm tỷ trọng 17,6% cơ cấu dư nợ tín dụng. Theo định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME, SHB sẽ đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và liên kết đối tác nền tảng. Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, website SHB mới theo tư duy E-Commerce. Bên cạnh đó, SHB cũng đa dạng hóa hình thức cho vay thông qua các ngành nghề công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất, nông lâm ngư nghiệp, dịch vụ lưu trú và ăn uống; sản xuất và phân phối điện và nước, ưu tiên cho vay các dự án năng lượng sạch, ...

Từ năm 2018, SHB đã tiên phong cho ra đời các chương trình cấp tín dụng xanh, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo cùng phương án sản xuất thân thiện với môi trường. Tính đến hết Quý III/2024, tín dụng xanh ngoài diện mặt trời SHB mở rộng thêm cho vay điện gió, dự án thân thiện môi trường. Qua đó, SHB khẳng định vị thế Ngân



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

hàng xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

**Bảng 19: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

STT	Ngành nghề	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	33.794	9,26%	22.629	5,33%	20.283	4,34%
2	Khai khoáng	1.460	0,40%	1.351	0,32%	1.415	0,30%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	41.551	11,38%	42.224	9,94%	43.866	9,38%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	13.948	3,82%	21.425	5,04%	19.955	4,27%
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	269	0,07%	403	0,09%	340	0,07%
6	Xây dựng	60.442	16,56%	68.060	16,03%	70.884	15,16%
7	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	110.673	30,32%	123.332	29,04%	132.185	28,28%
8	Vận tải kho bãi	12.943	3,55%	13.133	3,09%	16.078	3,44%
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.677	0,46%	2.837	0,67%	5.577	1,19%
10	Thông tin và truyền thông	161	0,04%	107	0,03%	110	0,02%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	638	0,17%	205	0,05%	1.393	0,30%
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	30.419	8,33%	65.630	15,45%	83.565	17,88%
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	266	0,07%	250	0,06%	3.290	0,70%
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	289	0,08%	6.524	1,54%	8.616	1,84%
15	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	17	0,00%	12	0,00%	10	0,00%
16	Giáo dục và đào tạo	99	0,03%	82	0,02%	84	0,02%

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

STT	Ngành nghề	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	71	0,02%	59	0,01%	141	0,03%
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	52	0,01%	144	0,03%	385	0,08%
19	Hoạt động dịch vụ khác	49.557	13,58%	48.725	11,47%	49.570	10,60%
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	6.721	1,85%	7.569	1,78%	9.721	2,08%
<b>Tổng</b>		<b>365.047</b>	<b>100%</b>	<b>424.701</b>	<b>100%</b>	<b>467.468</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB

**Bảng 20: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô xe máy	111.259	28,9%	123.777	28,23%	132.485	27,54%
2	Nông lâm nghiệp, thủy sản	35.700	9,3%	24.197	5,52%	21.454	4,46%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	43.153	11,2%	43.943	10,02%	45.653	9,49%
4	Xây dựng	62.132	16,1%	69.714	15,90%	72.535	15,08%
5	Hoạt động kinh doanh bất động sản	31.493	8,2%	73.269	16,71%	84.481	17,56%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	13.951	3,6%	21.425	4,89%	19.955	4,15%
7	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	13.452	3,5%	7.694	1,75%	9.863	2,05%
8	Khai khoáng	1.478	0,4%	1.370	0,31%	1.432	0,30%
9	Vận tải, kho bãi	12.944	3,4%	13.134	3,00%	16.078	3,34%
10	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.746	0,5%	2.890	0,66%	5.637	1,17%
11	Hoạt động tài chính, bảo hiểm	827	0,2%	205	0,05%	1.393	0,29%



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

12	Thông tin và truyền thông	161	0,0%	107	0,02%	110	0,02%
13	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	311	0,1%	6.536	1,49%	8.628	1,79%
14	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	266	0,1%	403	0,09%	340	0,07%
15	Hoạt động khác	56.760	14,7%	49.800	11,36%	60.940	12,67%
<b>Tổng</b>		<b>385.633</b>	<b>100%</b>	<b>438.464</b>	<b>100%</b>	<b>480.984</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

**Xét về đối tượng khách hàng:**

*Đối với nhóm khách hàng cá nhân:* Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, SHB đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho SHB.

*Đối với khách hàng doanh nghiệp:* Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, SHB đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục tiên phong trong việc phát triển dòng tín dụng Xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, tài trợ chuỗi tiếp tục thể hiện vai trò chủ lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của SHB khi thiết lập quan hệ đến hơn 50 khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sắp thép, xăng dầu, hàng không và vận tải, v.v., qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu, v.v. từ những lĩnh vực này.

**b) Hoạt động bảo lãnh**

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của SHB. Tại thời điểm 30/09/2024, số dư bảo lãnh của SHB đạt 15.879 tỷ VND, giảm 14,3% so với cuối năm 2023.

**c) Chất lượng nợ cho vay**

Về phân loại dư nợ tín dụng, SHB đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của SHB. Tính đến ngày 30/09/2024, tỷ lệ nợ xấu của SHB ở mức dưới 3% tổng giá trị các tài sản có rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 31/2024/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 31”).

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

**Bảng 21: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	415.339	96,42%	487.174	95,7%	17,3%	552.047	96,1%
Nợ cần chú ý	5.858	1,36%	8.445	1,7%	44,2%	8.264	1,4%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.152	0,27%	1.104	0,2%	-4,2%	1.597	0,3%
Nợ nghi ngờ	1.259	0,29%	2.351	0,5%	86,7%	1.771	0,3%
Nợ có khả năng mất vốn	7.168	1,66%	9.826	1,9%	37,1%	10.943	1,9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>430.776</b>	<b>100%</b>	<b>508.900</b>	<b>100%</b>	<b>18,1%</b>	<b>574.622</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHIB*

**Bảng 22: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	422.258	95,98%	492.259	95,6%	16,6%	564.729	96,0%
Nợ cần chú ý	6.736	1,53%	8.533	1,7%	26,7%	8.819	1,5%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.612	0,37%	1.288	0,3%	-20,1%	1.692	0,3%
Nợ nghi ngờ	1.898	0,43%	2.497	0,5%	31,6%	1.921	0,3%
Nợ có khả năng mất vốn	7.442	1,69%	10.103	2,0%	35,8%	11.271	1,9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>439.946</b>	<b>100%</b>	<b>514.680</b>	<b>100%</b>	<b>17,0%</b>	<b>588.432</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHIB*

Nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được SHB nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của ngân hàng tính đến 30/09/2024 đạt trên 70%, đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

**Bảng 23: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	3.679	2.671	6.350
31/12/2023	5.692	3.094	8.786
30/09/2024	5.263	3.404	8.667

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB

**Bảng 24: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	4.215	2.843	7.058
31/12/2023	5.890	3.211	9.101
30/09/2024	5.727	3.518	9.245

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB

**d) Tỷ lệ an toàn vốn**

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) theo số liệu hợp nhất của SHB tại thời điểm 30/09/2024 là 11,79%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

**Bảng 25: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vốn tự có	58.406	66.682	69.900
Vốn cấp 1	42.676	49.877	55.026
Vốn cấp 2	19.752	20.378	18.442
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	4.023	3.573	3.568
Tổng tài sản "Có" rủi ro	498.687	563.370	610.558
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	11,71%	11,84%	11,45%

Nguồn: SHB, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41

**Bảng 26: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
----------	------------	------------	------------

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

<b>Vốn tự có</b>	<b>62.722</b>	<b>70.182</b>	<b>73.662</b>
Vốn cấp 1	42.876	50.097	55.530
Vốn cấp 2	19.890	20.472	18.534
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	44	387	402
<b>Tổng tài sản “Có” rủi ro</b>	<b>513.417</b>	<b>575.222</b>	<b>625.045</b>
<b>Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu</b>	<b>12,22%</b>	<b>12,20%</b>	<b>11,79%</b>

*Nguồn: SHB, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41*

Từ năm 2023, SIIB đã bắt đầu áp dụng các tiêu chuẩn của Basel III trong quản lý rủi ro thanh khoản, có sự đánh giá tuân thủ của một công ty tư vấn quốc tế nhằm bảo đảm phù hợp với những thông lệ tốt và yêu cầu của Ủy ban Basel theo Basel III. Đồng thời, SHB đang triển khai áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao IRB sẽ giúp ngân hàng tối ưu hóa chi phí vốn, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tài chính.

#### **8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán**

##### **a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối**

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của SHB bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2022, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối của SHB đạt 2.293 tỷ VND và lãi thuần đạt 116 tỷ VND. Trong năm 2023, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của SHB đạt 282 tỷ VND, tăng 143,1% so với cùng kỳ năm 2022.

**Bảng 27: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>% tăng/giảm</b>	<b>9 tháng/2024</b>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.114	2.875	36,0%	1.249
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.983	2.594	30,8%	1.203
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>131</b>	<b>281</b>	<b>114,5%</b>	<b>46</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 28: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>% tăng/giảm</b>	<b>9 tháng/2024</b>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.293	3.039	32,5%	1.374



### **Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.177	2.757	26,6%	1.326
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>116</b>	<b>282</b>	<b>143,1%</b>	<b>48</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

#### **b) Hoạt động thanh toán trong nước**

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp SHB tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, đảm bảo tuyệt đối an toàn, chính xác nguồn vốn cho khách hàng. SHB cũng đã tích cực củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ Western Union, mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất. Bên cạnh đó, SHB đã và đang đa dạng kênh thanh toán, phát triển nhiều dịch vụ nhận chuyển tiền ngoại tệ khác và được khách hàng đánh giá cao.

#### **c) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**

Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại là một trong những dịch vụ có tốc độ phát triển nhanh (trung bình 14%/năm) và đóng góp lớn trong thu nhập phi tín dụng của SHB. Trong năm 2022, hoạt động này tại SHB có doanh thu phí đạt 20,9 tỷ VND và doanh số đạt xấp xỉ 7 tỷ USD. Đây là dịch vụ an toàn, chính xác, với chất lượng dịch vụ cao (tỷ lệ diện thanh toán chuẩn - luôn trên 98%, cao hơn mức trung bình 94-95% của thị trường). Nhờ vậy, SHB nhiều năm liền được vinh dự nhận các giải thưởng tầm cỡ quốc tế như giải thưởng “Ngân hàng có chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc” do ngân hàng Bank of New York Mellon (Mỹ) và Wells Fargo Bank trao tặng, giải thưởng “Ngân hàng Tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Finance Asia Magazine và tạp chí Global Finance Magazine bình chọn, ngày càng khẳng định được uy tín và vị thế trong và ngoài nước.

### **8.1.5. Hoạt động kinh doanh khác**

#### **a) Hoạt động đầu tư tài chính**

Năm 2023 là một năm biến động của hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán, đặc biệt là hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ và giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng do chịu tác động bởi mặt bằng lãi suất và lạm phát trong, ngoài nước ở mức cao.

Tính đến 31/12/2023, tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất của SHB đạt 40.060 tỷ đồng, trong đó trái phiếu Tổ chức tín dụng phát hành đạt 500 tỷ đồng, trái phiếu Chính phủ đạt 22.273 tỷ đồng, chiếm lần lượt 1,2% và 55% tổng danh mục đầu tư. Lợi nhuận hợp nhất từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh đạt 75 tỷ đồng. Ngoài ra, năm 2023, SHB cũng ghi nhận khoản thu nhập đáng kể từ chuyển nhượng phần góp vốn đầu tư dài hạn với số tiền 688,8 tỷ đồng. Tổng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần năm 2023 đạt 640,23 tỷ đồng, gấp 152 lần so với cùng kỳ năm 2022.

Tại thời điểm 30/09/2024, tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất của SHB là 36.429 tỷ đồng, giảm 10% so với cuối năm 2023 do Ngân hàng giảm đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp.

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

**Bảng 29: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng, %*

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng đầu tư chứng khoán</b>	<b>33.052</b>	<b>88,8%</b>	<b>32.207</b>	<b>89,7%</b>	<b>35.910</b>	<b>90,7%</b>
Trái phiếu Chính phủ (*)	18.687	50,2%	22.273	62,0%	21.444	54,1%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	1.150	3,1%	500	1,4%	-	0,0%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	13.186	35,4%	9.405	26,2%	14.437	36,4%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	29	0,1%	29	0,1%	29	0,1%
<b>Góp vốn đầu tư dài hạn khác</b>	<b>4.157</b>	<b>11,2%</b>	<b>3.701</b>	<b>10,3%</b>	<b>3.702</b>	<b>9,3%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.209</b>	<b>100%</b>	<b>35.908</b>	<b>100%</b>	<b>39.612</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SIIB*

**Bảng 30: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ Đồng, %*

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng đầu tư chứng khoán</b>	<b>33.057</b>	<b>99,5%</b>	<b>40.060</b>	<b>98,9%</b>	<b>35.913</b>	<b>98,6%</b>
Trái phiếu Chính phủ (*)	18.687	56,3%	22.273	55,0%	21.444	58,9%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	1.150	3,5%	500	1,2%	-	0,0%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	13.187	39,7%	17.254	42,6%	14.437	39,6%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	33	0,1%	33	0,1%	32	0,1%
<b>Góp vốn đầu tư dài hạn khác</b>	<b>158</b>	<b>0,4%</b>	<b>453</b>	<b>1,1%</b>	<b>516</b>	<b>1,4%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.215</b>	<b>100%</b>	<b>40.513</b>	<b>100%</b>	<b>36.429</b>	<b>100%</b>



*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*  
(\*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh.

**b) Hoạt động kinh doanh thẻ**

Với mục tiêu chiến lược đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng, Ngân hàng số được yêu thích nhất, Ngân hàng SHB luôn nỗ lực, đầu tư vào công nghệ, sản phẩm và nguồn nhân lực để trở thành một trong các ngân hàng có công nghệ hiện đại nhất tại Việt Nam.

Cùng với sự phát triển các sản phẩm của ngân hàng, sản phẩm và dịch vụ thẻ là một trong các sản phẩm dịch vụ được SHB ưu tiên phát triển trên nhiều phương diện, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời đem lại nhiều tiện ích và đặc biệt là các đặc tính an toàn của sản phẩm dịch vụ dành cho chủ thẻ. Hiện nay, cùng với việc là ngân hàng thành viên của tổ chức liên minh thẻ tại Việt Nam – Công ty Cổ phần Thanh Toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS), SHB còn là ngân hàng thành viên của các tổ chức thẻ Quốc tế lớn là Visa và MasterCard. Điều đó đã tạo thuận lợi cho các chủ thẻ của SHB có nhiều lựa chọn đối với các sản phẩm thẻ chip EMV contactless an toàn, tiện lợi để sử dụng thẻ trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như trên toàn cầu. Cùng với đó, Ngân hàng SHB tự hào là ngân hàng TMCP đầu tiên tại Việt Nam ký kết hợp tác lâu dài và độc quyền với CLB bóng đá danh tiếng thế giới FC Barcelona (FCB) để tạo ra dòng SP thẻ SHB – FCB Mastercard nhiều ưu đãi trong lĩnh vực thể thao.

Với nỗ lực đưa thương hiệu thẻ SHB đến với khách hàng, năm 2020 – 2021, SHB liên tục đạt các giải thưởng từ Tổ chức Thẻ Quốc tế. SHB được Tổ chức Thẻ Visa vinh danh “Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số giao dịch Thẻ ghi nợ 2020”. Năm 2021, SHB đạt giải thưởng: “Ngân hàng dẫn đầu tăng trưởng giao dịch online 2021” của Mastercard. Tháng 4/2023, Ngân hàng SHB đã chính thức triển khai Dự án nâng cấp Core thẻ. Hệ thống sau nâng cấp sẽ đáp ứng về quy mô hoạt động thẻ trong 03 năm tới với hàng triệu thẻ ghi nợ và tín dụng, xử lý hàng chục nghìn POS và ATM, cũng như triển khai các SPDV hiện đại như máy nạp tiền CDM, rút tiền bằng QR code hoặc CCCD, phát hành thẻ ảo...

Đồng thời với việc phát triển sản phẩm, đầu tư hệ thống thẻ, SHB luôn luôn chú trọng đến các biện pháp an toàn bảo mật đối với các sản phẩm và dịch vụ thẻ để phòng ngừa rủi ro gian lận. Đặc biệt là bảo mật các dữ liệu thẻ, dữ liệu chủ thẻ trong hoạt động phát hành, lưu trữ, và thanh toán thẻ. SHB đã triển khai thành công Hệ thống tiêu chuẩn bảo mật dành cho thẻ thanh toán - PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standards) và Hệ thống xác thực giao dịch thẻ online 3D Secure từ năm 2016. Tháng 8/2023, SHB đã nâng cấp thành công Hệ thống xác thực 3D Secure lên phiên bản 2.2 – phiên bản cao nhất theo quy định của các Tổ chức Thẻ Quốc tế Visas và Mastercard nhằm đem tới sự tiện ích và an toàn cho chủ thẻ trong các giao dịch online.

Trong năm 2024 và các năm tiếp theo, SHB tiếp tục duy trì chiến lược trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, Ngân hàng số được yêu thích nhất, trong đó sản phẩm thẻ sẽ là mũi nhọn để SHB đạt được mục tiêu nêu trên.

**c) Hoạt động Ngân hàng đại lý**

Từ năm 2008, SHB chính thức triển khai dịch vụ thanh toán Quốc tế (TTQT) thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác song phương với ngân hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới thông qua việc trao đổi SWIFT CODE. Cho đến nay SHB đã thiết lập quan hệ đại lý với nhiều ngân hàng trên Thế giới. Hiện nay, mạng lưới ngân hàng đại lý của SHB bao gồm khoảng 500 ngân hàng, hiện diện ở nhiều khu vực: châu Á, châu Âu, châu Mỹ, Mỹ La Tinh và một số nước tại Châu Phi...

Bên cạnh việc phát triển khách hàng TTQT, nghiệp vụ TTQT của SHB luôn được sự tín nhiệm cao của các ngân hàng đại lý, tỷ lệ điện TTQT đạt chuẩn SWIFT, đạt 98%. SHB đã được Ngân hàng đại lý có uy tín trên thế giới là Wachovia Bank cấp chứng nhận Ngân hàng TTQT xuất sắc và được tạp chí Global Finance trao giải “Best Trade Finance Banks and Providers in Vietnam”. Đây là giải thưởng rất uy tín trên thế giới và SHB là ngân hàng được lựa chọn duy nhất tại Việt Nam tại thời điểm đó.

Hiện nay, ngoài hai loại tài khoản ngoại tệ chính là USD và EUR, SHB đã mở thêm nhiều tài khoản bằng các loại ngoại tệ khác nhau để phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng như tài khoản SGD, JPY, AUD, GBP, HKD và 02 tài khoản đa tệ khác.

**d) Hoạt động tài chính tiêu dùng**

Mảng tài chính tiêu dùng của SHB được thực hiện bởi Công ty Tài chính TNHH SHB (SHB Finance).

Năm 2023, SHB hoàn tất chuyển nhượng 50% vốn cổ phần tại SHBFinance cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri) của Thái Lan (thành viên chiến lược thuộc Tập đoàn MUFG, Nhật Bản) đã tạo thêm động lực mới và toàn diện cho SHBFinance trong việc đẩy nhanh thực hiện các kế hoạch trung và dài hạn theo các chuẩn mực quốc tế, cũng như trong chiến lược phát triển một công ty tài chính có thể mạnh hàng đầu Việt Nam về công nghệ và số hóa.

SHBFinance hướng tới tầm nhìn “Trở thành Công ty Tài chính thông minh và tin cậy với người dân Việt Nam”.

Để trở thành điểm chạm phục vụ mọi nhu cầu của khách hàng trên không gian số, các ứng dụng, website cũng như các kênh mạng xã hội của SHBFinance không ngừng được cải tiến từ giao diện, tính năng cho đến tốc độ phục vụ, giúp khách hàng có trải nghiệm thuận tiện hơn. Khách hàng có thể được giải ngân trong vòng 15 phút khi đăng ký vay qua ứng dụng SHBFinance. Bên cạnh đó, SHBFinance cũng là một trong những công ty tài chính đầu tiên ứng dụng AI Chatbot vào việc phục vụ khách hàng. Việc đa dạng hóa các hình thức thanh toán từ truyền thống đến các kênh trực tuyến bao gồm cửa hàng Viettel, VNPost, v.v. đến ví điện tử (MoMo, Payoo, ZaloPay), ứng dụng di động SHBFinance giúp khách hàng có trải nghiệm thanh toán dễ dàng, đơn giản hơn. Tất cả những nỗ lực này đã giúp SHBFinance tăng đáng kể tỷ lệ trả nợ, bất chấp xu hướng giảm tỷ lệ khoản vay của toàn ngành.



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Trong năm 2023, nền kinh tế đã có sự phục hồi, một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn giai đoạn trước. Trên cơ sở đó, Công ty đã đạt được một số kết quả sau:

Đến 31/12/2023, nhân sự của SHBFC là 2.181 người. Tổng tài sản đạt mức 6.839 tỷ đồng, tăng 1.481 tỷ đồng, tương ứng tăng 21,65% so với năm 2022. Huy động vốn của Công ty cuối năm 2023 đạt 4.622 tỷ đồng, tăng 55,9% so với cuối năm 2022. Dư nợ cho vay đạt 6.021 tỷ đồng, tăng 1.506 tỷ đồng, tương ứng tăng 25% so với năm 2022.

Về cơ bản các chỉ số quản trị chủ yếu của công ty đang thể hiện hiệu quả kinh doanh tốt và nằm trong phạm vi kiểm soát của kế hoạch kinh doanh.

## **8.2. Tài sản**

### **8.2.1. Tài sản cố định hữu hình**

**Bảng 31: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	444	167	277	640	185	455	643	199	444
Máy móc thiết bị	225	202	23	232	200	32	184	144	39
Phương tiện vận tải	189	132	57	198	136	62	206	134	72
Thiết bị, dụng cụ quản lý	312	206	106	407	229	178	425	229	196
TSCĐ hữu hình khác	1	-	1	2	-	2	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.171</b>	<b>707</b>	<b>464</b>	<b>1.479</b>	<b>750</b>	<b>729</b>	<b>1.458</b>	<b>706</b>	<b>752</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 32: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Nhà cửa, vật kiến trúc	470	188	282	667	208	459	670	223	447
Máy móc thiết bị	298	243	55	241	208	33	193	153	40
Phương tiện vận tải	198	139	59	204	141	63	212	139	72
Thiết bị, dụng cụ quản lý	318	212	106	415	236	179	432	236	197
TSCĐ hữu hình khác	2	1	1	2	1	1	1	-	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.286</b>	<b>783</b>	<b>503</b>	<b>1.529</b>	<b>794</b>	<b>735</b>	<b>1.508</b>	<b>751</b>	<b>757</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

**8.2.2. Tài sản cố định vô hình**

**Bảng 33: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	4.348	7	4.341	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353
Phần mềm máy vi tính	375	281	94	440	303	137	464	324	145
TSCĐ vô hình khác	20	15	5	20	16	4	20	17	4
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.743</b>	<b>303</b>	<b>4.440</b>	<b>4.820</b>	<b>326</b>	<b>4.494</b>	<b>4.844</b>	<b>348</b>	<b>4.496</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB*

**Bảng 34: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Quyền sử dụng đất	4.348	6	4.341	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353
Phần mềm máy tính	401	296	105	443	306	137	465	320	145
TSCĐ vô hình khác	24	19	5	23	19	4	23	19	4
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.773</b>	<b>321</b>	<b>4.452</b>	<b>4.826</b>	<b>332</b>	<b>4.494</b>	<b>4.848</b>	<b>346</b>	<b>4.502</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB*

### **8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**

#### **8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng**

##### **a) Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết. Để đảm bảo quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả, SHB đã xây dựng và duy trì hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc: (i) Thiết lập môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; (ii) Hoạt động theo quy trình cấp tín dụng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận thực hiện; (iii) Nhận diện, đo lường, giám sát rủi ro theo 3 tuyến bảo vệ đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Mọi quy trình, chính sách, sản phẩm tín dụng trước khi ban hành đều được xem xét, đánh giá bởi 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo kiểm soát, ngăn chặn rủi ro tín dụng có tính hệ thống. Năm 2023, SHB tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý rủi ro tín dụng nhằm phù hợp với định hướng kinh doanh, thực tiễn hoạt động của Ngân hàng và các mục tiêu về quản trị rủi ro.

SHB tiếp tục triển khai xây dựng các mô hình để hỗ trợ cho công tác đánh giá, thẩm định khách hàng và bước đầu triển khai mô hình cảnh báo nợ sớm. Bên cạnh đó, công tác kiểm định mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ được SHB thực hiện định kỳ nhằm mục đích cải thiện, nâng cao chất lượng mô hình. Với mục tiêu hỗ trợ quyết định kinh doanh một cách khách quan dựa trên dữ liệu và các mô hình thống kê, SHB cũng đã cải tiến phương pháp luận định giá khoản vay trên cơ sở các giá trị đo lường rủi ro, tiệm cận với chuẩn IRB của Basel.

Hệ thống báo cáo rủi ro tín dụng nội bộ được thực hiện với chu kỳ ngày càng rút ngắn nhằm đánh giá tổng thể trạng thái rủi ro, mức độ tuân thủ các giới hạn/ hạn mức rủi ro tín dụng, các dự báo, cảnh báo sớm, phục vụ việc đưa ra các cơ chế, chính sách điều hành hoạt động tín dụng phù hợp và kịp thời.

Bên cạnh đó, để tăng cường năng lực quản lý rủi ro tín dụng, SHB chú trọng xây dựng, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu (Datawarehouse), hệ thống kho cơ sở dữ liệu và truy vấn thông tin tín dụng tập trung (SHB CIC), hệ thống cảnh báo sớm (EWS), hệ thống thu hồi nợ (Debt collection).

SHB đang dần hoàn thiện hoạt động quản lý rủi ro tín dụng theo hướng quản lý rủi ro của các tổ chức tín dụng quốc tế.

**b) Quản lý rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với SHB (bao gồm cả rủi ro pháp lý).

Để quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả, SHB đã áp dụng và triển khai theo dõi khẩu vị, hạn mức về mức độ tổn thất rủi ro hoạt động, áp dụng các phương pháp nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động đáp ứng các yêu cầu Thông tư 13/2018/TT-NHNN, chuẩn mực Basel 2 và các thông lệ quốc tế.

Năm 2023, SHB quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHD) theo hướng chủ động, phòng ngừa và chuẩn bị trước các kịch bản, hướng dẫn ứng phó một số rủi ro mới phát sinh như: Rủi ro giả mạo tin nhắn của ngân hàng (SMS phishing brandname); rủi ro gián đoạn hoạt động do ảnh hưởng của các tin đồn, thông tin tiêu cực liên quan tới ngân hàng.

Bên cạnh truyền thông đào tạo về QLRRHD định kỳ hằng năm cho cán bộ nhân viên, năm 2023, SHB tăng cường, đa dạng hóa các hình thức truyền thông tới nhân viên và Khách hàng như xây dựng bộ sổ tay rủi ro hoạt động dành cho cán bộ Dịch vụ khách hàng, truyền thông qua video cảnh báo các hình thức lừa đảo, giả mạo chiếm đoạt tài sản tới Khách hàng...

Trong năm 2023, SHB đã triển khai kiểm thử tình huống cháy cho một số Chi nhánh và các Đơn vị Hội sở, đảm bảo tính sẵn sàng của địa điểm dự phòng, công nghệ và phương tiện để làm việc từ xa; kiểm thử vận hành luân phiên hệ thống trung tâm dữ liệu (DC-DR).

Ngoài ra, SHB tiếp tục chú trọng công tác đảm bảo an toàn thông tin, chủ động giám sát việc truyền gửi dữ liệu ra bên ngoài SHB với sự hỗ trợ của giải pháp công nghệ chống thất thoát dữ liệu (DLP- data loss prevention).

Công tác Quản trị rủi ro gian lận được SHB tăng cường qua việc thiết lập Bộ phận chuyên môn về điều tra gian lận và cơ chế tiếp nhận tố giác gian lận/ngghi ngờ gian lận, xây dựng các kịch bản phát hiện sớm gian lận.

**c) Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. SHB đối mặt với 2 loại rủi ro thị trường chính là rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá. SHB đã xây dựng và kiện toàn hệ thống các văn bản chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thị trường, quy định chi tiết các nội dung cũng như các bước từ nhận diện, đo lường, theo dõi/kiểm soát/giám sát và báo cáo rủi ro thị trường; trách nhiệm của các đơn vị liên quan đối với công tác quản lý rủi ro thị trường.

Cùng với chính sách quản lý rủi ro lãi suất, tỷ giá tập trung tại Hội sở chính, Ngân hàng đã ban hành áp dụng đầy đủ hệ thống hạn mức rủi ro thị trường để quản lý như: hạn mức trạng thái/danh



mức, hạn mức giao dịch viên, hạn mức lỗ/cắt lỗ, hạn mức độ nhảy... Hạn mức RRTT được rà soát định kỳ tối thiểu hàng năm hoặc đột xuất trong trường hợp thị trường có biến động lớn.

Công tác đo lường rủi ro thị trường được thực hiện thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số như: Trạng thái mở; Độ nhảy PV01 (Present value of one basic point); Đánh giá lãi lỗ các giao dịch đã đóng trạng thái và trạng thái mở theo giá trị thị trường (MtM – Mark to market); Giá trị rủi ro (VaR – Value at risk). Các phương pháp, công cụ đo lường thường xuyên được rà soát, chỉnh sửa để lượng hóa chính xác mức độ rủi ro, phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ.

#### **d) Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Cùng với duy trì mức độ cân bằng hợp lý giữa tài sản nợ và tài sản có, đảm bảo đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu chi trả, SHB chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn huy động để tăng sự ổn định nợ phải trả. Các kế hoạch về huy động bao gồm nguồn huy động, thời hạn huy động được xây dựng và theo dõi an toàn, hiệu quả trong từng thời kỳ dựa trên kế hoạch kinh doanh của từng đơn vị và chiến lược phát triển chung của toàn hàng, đảm bảo hỗ trợ thanh khoản hàng ngày và có dự phòng về nguồn vốn trong trường hợp khủng hoảng.

SHB đã ban hành và áp dụng các chỉ tiêu hạn mức rủi ro thanh khoản như: hạn mức dòng tiền ra ròng tối đa, tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi (LDR – Loan deposit ratio), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, hạn mức dòng tiền ra ròng tối đa. Các hạn mức được đánh giá, rà soát định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ.

Công tác đo lường RRTK được thực hiện thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số RRTK như: Mô hình hành vi (Behavior); Báo cáo Gap MCO (Maximum cumulative outflow); Các tỷ lệ thanh khoản; Đánh giá khả năng tiếp cận vốn trên thị trường, ... Ngoài ra, SHB cũng đã hoàn thành xây dựng và nâng cấp công cụ đo lường RRTK theo các chỉ tiêu Basel III (chỉ tiêu LCR – liquidity coverage ratio và NSFR – Net stable funding ratio).

Cùng với việc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về RRTK theo định kỳ 6 tháng một lần nhằm lượng hóa mức độ rủi ro trong điều kiện căng thẳng, SHB đo lường, đánh giá tình hình tuân thủ các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động và lập kế hoạch dự phòng thanh khoản đảm bảo khả năng chi trả theo các kịch bản, tình huống tương ứng.

#### **e) Quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng (RRLSSNH)**

Rủi ro Lãi suất sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng.

Cùng với chính sách quản lý rủi ro lãi suất tập trung tại Hội sở chính thông qua công cụ điều chuyển vốn nội bộ FTP, SHB thực hiện duy trì mức độ cân bằng hợp lý về cơ cấu kỳ hạn/kỳ tái định giá giữa tài sản có và nợ phải trả, áp dụng chính sách lãi suất cơ sở phù hợp để định giá lãi

suất các khoản cho vay, ... từ đó hạn chế các rủi ro lãi suất sổ ngân hàng mà Ngân hàng có thể phải đối mặt như: rủi ro định giá lại (repricing risk), rủi ro cơ bản (basic risk),...

SHB ban hành và áp dụng hạn mức rủi ro lãi suất sổ ngân hàng phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh và khẩu vị rủi ro cũng như khả năng đo lường, quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng của Ngân hàng, bao gồm: Hạn mức Gap lãi suất (Repricing gap) và Hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần (NII – Net interest income) do thay đổi của lãi suất.

SHB đo lường rủi ro lãi suất sổ ngân hàng đối với các khoản mục có lãi suất bằng VND hoặc ngoại tệ có giá trị từ 5% tổng tài sản trở lên thông qua các phương pháp và hệ thống các chỉ số như: Gap nhạy cảm với lãi suất; Đánh giá tác động của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE); Xác định vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thông qua phương pháp Delta EVE theo hướng dẫn của Basel III.

### **8.3.2.Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế**

Dưới sự định hướng, chỉ đạo kịp thời từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc SHB đã hoàn thành các chủ trương, chính sách và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua. Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình với tinh thần trách nhiệm cao, điều hành hoạt động linh hoạt và chỉ đạo sát sao các đơn vị, có những giải pháp, đề xuất kịp thời lên HĐQT đảm bảo mọi hoạt động tại từng đơn vị trong toàn hệ thống được kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, kịp thời, an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

### **8.3.3.Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2024**

Từ năm 2023, SHB bắt đầu áp dụng các tiêu chuẩn của Basel III trong quản lý rủi ro thanh khoản, có sự đánh giá tuân thủ của một công ty tư vấn quốc tế nhằm bảo đảm phù hợp với những thông lệ tốt và yêu cầu của Ủy ban Basel theo Basel III. Đồng thời, SHB đang tiếp tục triển khai áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao IRB sẽ giúp ngân hàng tối ưu hóa chi phí vốn, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tài chính.

## **8.4.Thị trường hoạt động**

### **8.4.1. Mạng lưới Chi nhánh và mạng lưới khách hàng**

Sau 30 năm hoạt động, SHB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt xấp xỉ 36.629 tỷ Đồng. Tại ngày 30/09/2024, Ngân hàng có 01 Trụ sở chính, 67 Chi nhánh, 236 Phòng Giao dịch và chi nhánh cấp 2 tại các tỉnh và thành phố tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Số lượng nhân viên là 6.483 người.

**Bảng 35: Tình hình lợi nhuận trước thuế theo khu vực địa lý**

*Đơn vị: tỷ Đồng*

STT	Khu vực thị trường	2022	2023	9 tháng/2024
1	Miền Bắc	6.833	6.397	7.372
2	Miền Trung	1.957	2.104	362
3	Miền Nam	627	401	840
4	Nước ngoài	272	337	474
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.689</b>	<b>9.239</b>	<b>9.048</b>



#### 8.4.2. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Trải qua 30 năm xây dựng và phát triển, SHB đang dần khẳng định vị thế vững chắc cũng như uy tín, thương hiệu của mình trên thị trường, tạo dựng được niềm tin đối với khách hàng.

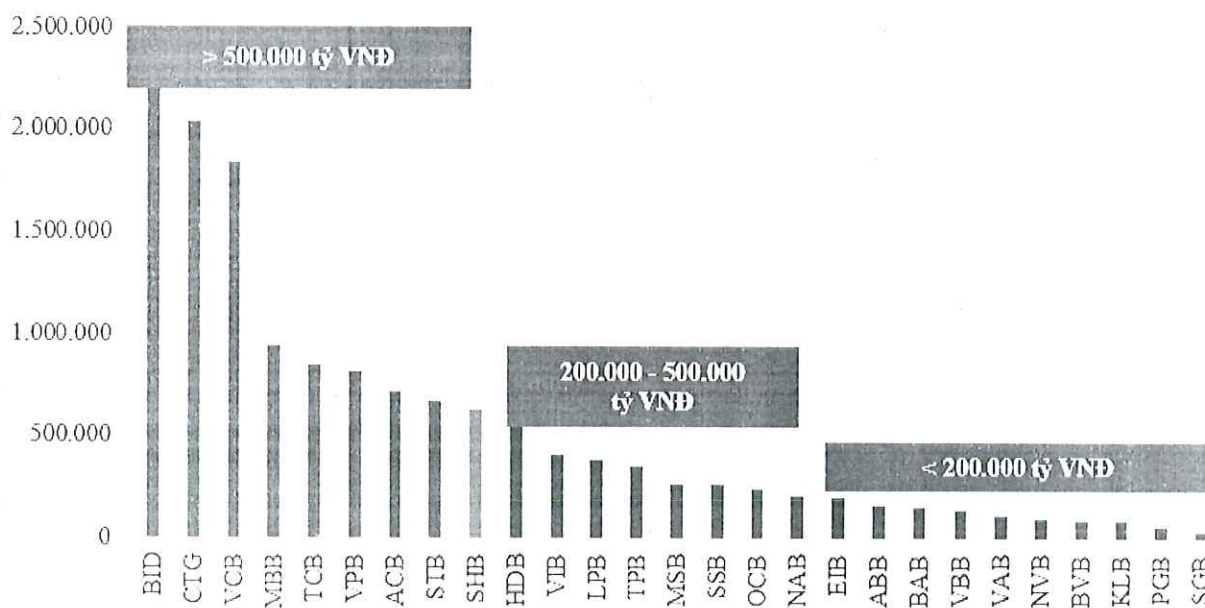
Xét về mặt quy mô, tại thời điểm 31/12/2023:

- ✓ Tổng tài sản của SHB chiếm khoảng 4,3% thị phần tài sản toàn hệ thống, và đứng thứ 9 trong nhóm các ngân hàng cổ phần tư nhân;
- ✓ Vốn chủ sở hữu của SHB đứng thứ 8;
- ✓ Cho vay khách hàng của SHB xếp thứ 8.

Xét về hiệu quả hoạt động:

- ✓ Lợi nhuận trước thuế của SHB năm 2023 đạt 9.239 tỷ đồng, đứng thứ 10 trong nhóm ngân hàng cổ phần tư nhân.
- ✓ Tỷ lệ CIR của SHB đến 31/12/2023 là 23,2%, là ngân hàng kiểm soát CIR tốt nhất trong hệ thống.

Biểu đồ 1: TTS của 27 NHTM niêm yết/Upcom



Nguồn: BCTC của các ngân hàng

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó.

Tỷ lệ an toàn vốn:

Tính đến hết 31/12/2023, tỷ lệ CAR của SHB đạt xấp xỉ 12,2%, tăng 0,3% so với cuối năm 2022. Dựa trên số liệu CAR được công bố bởi 26 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và UPCOM, CAR của SHB nằm trong Top NHTM có CAR lớn nhất (trên 12%).

Bảng 36: Vị thế của SHB trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Ngân hàng	TTS 2023	Vốn CSH 2023	LNTT 2023	NIM 2023	NPL 2023	CAR 2023
1	BID	2.300.814	122.917	27.650	2,58%	1,25%	9,18%
2	CTG	2.032.690	127.571	25.100	2,77%	1,13%	8,94%
3	VCB	1.839.223	168.543	41.244	3,19%	0,98%	11,59%
4	MBB	944.954	96.711	26.306	4,91%	1,60%	10,70%
5	TCB	849.482	131.628	22.888	3,96%	1,16%	14,40%
6	VPB	817.700	139.947	10.987	5,80%	5,01%	17,10%
7	ACB	718.795	70.956	20.068	3,89%	1,21%	12,48%
8	STB	674.390	45.734	9.595	4,01%	2,28%	9,11%
9	SHB	630.501	50.098	9.239	3,51%	2,70%	12,20%
10	HDB	602.315	46.400	13.017	4,28%	1,79%	12,60%

Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC và báo cáo thường niên của các ngân hàng

#### Vị thế của SHB theo đánh giá của tổ chức Moody's

Theo công bố mới nhất vào ngày 25/04/2023 của tổ chức đánh giá tín nhiệm quốc tế Moody's, SHB được đánh giá như sau:

SHB đã được Moody's xếp hạng tổ chức phát hành và tiền gửi bằng nội tệ và ngoại tệ dài hạn ở mức B1, đánh giá tín dụng cơ sở B2 (BCA), triển vọng ổn định.

STT	Tiêu chí	Xếp hạng
1	Rủi ro đối tác dài hạn (bằng ngoại tệ)	BA3
2	Rủi ro đối tác dài hạn (bằng nội tệ)	BA3
3	Rủi ro đối tác ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	BA3
4	Rủi ro đối tác ngắn hạn (bằng nội tệ)	BA3
5	Tiền gửi dài hạn (bằng ngoại tệ)	B1
6	Tiền gửi dài hạn (bằng nội tệ)	B1
7	Tiền gửi ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	B1
8	Tiền gửi ngắn hạn (bằng nội tệ)	B1



9	Đánh giá rủi ro đối tác dài hạn	B1
10	Đánh giá rủi ro đối tác ngắn hạn	B1
11	Nhà phát hành dài hạn (bằng ngoại tệ)	B1
12	Nhà phát hành dài hạn (bằng nội tệ)	B1
13	Nhà phát hành ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	B1
14	Nhà phát hành ngắn hạn (bằng nội tệ)	B1
15	Đánh giá tín dụng cơ sở	B2
16	Đánh giá tín dụng cơ sở điều chỉnh	B2

Nguồn: Moody's

### 8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của SHB
1	Dự án CRM - Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng	Đã hoàn thành	Xây dựng hệ thống quản lý quan hệ khách hàng với đầy đủ tính năng hiện đại, tập hợp toàn bộ dữ liệu về khách hàng, từ đó đưa ra đánh giá chuyên sâu nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng, thúc đẩy bán hàng và quản lý chi phí một cách tốt nhất, tối ưu lợi ích cho khách hàng
2	Dự án OMNI Channel	Đang triển khai	Xây dựng nền tảng công nghệ hợp kênh hiện đại, cho phép SHB xây dựng các hành trình, trải nghiệm khách hàng tốt nhất, nhằm đạt được vị thế SHB là Ngân hàng Số được được yêu thích nhất vào năm 2025. OMNI Channel sẽ thay thế và đồng bộ hóa các kênh tương tác khách hàng cá nhân hiện tại như Internet Banking/Mobile Banking/Kênh Chi nhánh/Kênh 247 và các kênh tương tác, hỗ trợ khách hàng khác
3	Dự án LOS - Xây dựng quy trình cho vay theo hành trình Khách hàng	Đang triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện quy trình cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ thông tin hiện tại, đồng thời xây dựng các quy trình cho vay theo từng hành trình sản phẩm cụ thể.</li> <li>- Cung cấp quy trình tín dụng được hệ thống hóa nhanh chóng, tối ưu nguồn lực cho các đơn vị tham gia vào quá trình cấp</li> </ul>

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của SHB
			tín dụng cho khách hàng, đồng thời đưa ra thị trường các giao phẩm là các sản phẩm cho vay trên nền tảng số áp dụng theo từng quy trình riêng biệt một cách nhanh chóng nhất
4	Dự án tư vấn kiến trúc Microservices cho toàn bộ hệ thống CNTT của SHB	Đang triển khai	Nâng cao năng lực hệ thống CNTT của SHB
5	Dự án nâng cấp trực tích hợp ESB	Đang triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung những tính năng, tiêu chuẩn kết nối, khả năng tính sẵn sàng, thực thi, và quản lý lộ trình chuyển đổi số. Các dịch vụ tạo dựng dựa trên trực tích hợp mới đáp ứng được hết các chuẩn kỹ thuật cần có của kiến trúc microservices, có thể tiếp tục được chạy trên nền tảng vật lý như trước đây.</li> <li>- Với dạng kiến trúc mở, trực tích hợp mới cũng nâng cao tính sẵn sàng để giúp khách hàng tiếp cận và sử dụng các mã nguồn mở/ hoặc nền tảng thương mại trong việc tích hợp để triển khai mô hình kết hợp vận hành và phát triển CICD - liên tục tích hợp, liên tục triển khai</li> </ul>
6	Dự án triển khai nền tảng Hybrid Cloud	Đang triển khai	Nhằm phục vụ hệ thống Ngân hàng hợp kênh OMNI Channel, đảm bảo về kiến trúc hạ tầng công nghệ và tối ưu chi phí. Dự án sau khi đưa vào triển khai sẽ phục vụ việc vận hành các giải pháp ngân hàng hợp kênh của SHB
7	Dự án thay thế hệ thống Corebanking	Đang triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển đổi hệ thống, chuyển đổi dữ liệu và triển khai những tính năng nhằm đáp ứng các yêu cầu của nghiệp vụ lõi ngân hàng;</li> <li>- Hệ thống Corebanking với kiến trúc hiện đại, vận hành ổn định nhằm đáp ứng sự</li> </ul>



STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của SHB
			tăng trưởng về khách hàng, sản phẩm, giao dịch
8	Dự án xây dựng hoàn thiện trung tâm dữ liệu, trung tâm dữ liệu dự phòng cho toàn bộ trang thiết bị máy chủ, lưu trữ cơ sở dữ liệu, network	Đang triển khai	Đáp ứng nhu cầu triển khai các giải pháp theo chiến lược CNTT của ngân hàng

Nguồn: SHB

### 8.6. Chiến lược kinh doanh

**Mục tiêu tới năm 2027**, cùng với quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ, SHB sẽ trở thành ngân hàng số 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

**Tầm nhìn tới năm 2035**, SHB trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại trong Top đầu của khu vực; là ngân hàng đầu tư cung ứng nguồn vốn hiệu quả nhất cho những lĩnh vực trọng điểm của kinh tế Việt Nam.

SHB đã và đang cùng các nhà tư vấn hàng đầu thế giới đẩy mạnh triển khai các chiến lược cạnh tranh khác biệt và phù hợp trong từng giai đoạn, giúp tăng tốc hiệu quả để thực hiện thành công các định hướng này.

Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng số 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, SHB xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, có tính định hướng dài hạn, luôn tạo ra sự khác biệt, hướng tới thị trường và khách hàng, trong đó:

- Đổi mới cơ chế, thể chế, quy định, quy trình phù hợp, môi trường cạnh tranh, quy định pháp luật hiện hành, thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh. Thực hiện quản lý văn bản thông minh, ứng dụng công nghệ hiện đại để tiếp tục số hóa các văn bản quy trình nội bộ.
- Kiện toàn tổ chức và nhân sự theo hướng hiện đại và an toàn, tách bạch chức năng hoạch định, chỉ đạo và quản lý, điều hành kinh doanh với chức năng thực thi, triển khai hoạt động kinh doanh, nâng cao tính kết nối, tính quản lý hệ thống giữa Hội sở và các đơn vị kinh doanh theo nguyên tắc “Quản lý theo mục tiêu”.
- Hoạt động kinh doanh “khách hàng là trọng tâm”: Tập trung phát triển khách hàng đem lại hiệu quả cao phù hợp với tiềm năng của vùng miền, địa bàn. Phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, vận dụng tư duy thiết kế (Design Thinking) và phương pháp luận Agile để tạo ra sự khác biệt trong từng sản phẩm: sử dụng cách tiếp cận lấy khách hàng làm trung tâm; khám phá ra các nhu cầu khác biệt nhỏ nhất, thậm chí là tiềm ẩn của khách hàng, đặt người dùng cuối ở vị trí trung tâm và đưa sáng tạo trở thành yếu tố cốt lõi; sáng tạo cần phải được thúc đẩy tối đa để tạo ra các đột phá.
- Công nghệ và chuyển đổi số: tập trung nguồn lực để phát triển hiện đại hóa nền tảng hạ tầng CNTT, nâng cấp/chuyển đổi Corebanking, Core thẻ... và khả năng tích hợp cao cho các phần mềm ứng dụng CNTT hiện đại và chuyển đổi số... để nâng cao tiện ích cho khách hàng và

nâng cao quản trị điều hành hệ thống của SHB; Chú trọng tuyển dụng, thu hút đội ngũ nhân sự chuyên ngành và các chuyên gia cao cấp về CNTT và chuyển đổi số để quản lý vận hành hệ thống; Lựa chọn đối tác chiến lược trong và ngoài nước có năng lực để tư vấn triển khai và tổ chức thực hiện hiện đại hóa CNTT và chuyển đổi số.

***Các mục tiêu phát triển bền vững***

SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ có tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn của chính ngân hàng mà còn thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội. Cụ thể như sau:

- Đảm bảo chế độ đãi ngộ, cơ hội học tập, phát triển nghề nghiệp cho người lao động; chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, bình đẳng.
- SHB cam kết chung tay bảo vệ môi trường sinh thái với các hoạt động giảm khí thải nhà kính và rác thải nơi làm việc; Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống; Phát triển tín dụng xanh với tiêu chí quan trọng được đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.
- Thực hiện các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội, tập trung cho lĩnh vực y tế, hoàn cảnh khó khăn, giáo dục đối với cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tấm lòng thiện nguyện của cán bộ nhân viên và SHB coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để không ngừng phát triển.

**9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên:** Không có

**10. Thông tin về thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng**

**10.1. Danh sách thành viên HĐQT**

**Bảng 37: Danh sách Thành viên Hội Đồng Quản Trị tại ngày 30/09/2024**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Thái Quốc Minh	Thành viên HĐQT
4	Bà Ngô Thu Hà	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Viết Dân	Thành viên HĐQT
6	Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT độc lập

*Nguồn: SHB*

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

**10.1.1. Ông Đỗ Quang Hiển – Chủ tịch HĐQT**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: Kỹ sư



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Vật lý, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2022 – nay	Giám đốc Vận hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2015 – 2021	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông Vận tải
2013 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2008 – nay	Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2008 - 2018	Chủ tịch HĐQT	Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn – Hà Nội
2005 – 2008	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
1993 – 2022	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
1988 - 1993	Kỹ sư vật lý/Cán bộ Xí nghiệp Công nghệ Quang học	Viện Nghiên cứu Công Nghệ Quốc Gia
1987-1988	Kỹ sư vật lý vật lý Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel)
1984-1987	Kỹ sư vật lý vô tuyến Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Xí nghiệp sửa chữa máy thu hình

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 99.787.412 cổ phần, tương ứng 2,724% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 624.058.654 cổ phần, tương ứng 17,037% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
  - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
4.200	3.150	247.531	+ Năm 2023: 15.184.049 cổ phiếu + 9 tháng đầu năm 2024: 49.893.706.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

**10.1.2. Ông Đỗ Quang Vinh – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1989
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Quản trị, University of East Anglia, Vương quốc Anh.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2023 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 – nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Chứng Khoán Sài Gòn – Hà Nội
2022 – nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Quản lý Quỹ BVIM
2022 – 06/2024	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2021 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 - nay	Giám đốc Khối Ngân hàng số	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 – 2023	Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2020 - nay	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2013 - nay	Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế	Tập đoàn T&T



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 101.383.408 cổ phần, tương ứng 2,768% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 622.520.456 cổ phần, tương ứng 16,995% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SIIB:
  - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT:

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Hợp đồng dịch vụ Bảo hiểm toàn diện rủi ro gian lận và Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tại SHB	Hội đồng Quản trị

- o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
3.054	2.442	210.592	+ Năm 2023: 143.347 cổ phiếu + 9 tháng đầu năm 2024: 50.691.704.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có.

**10.1.3. Ông Thái Quốc Minh – Thành viên HĐQT**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1960
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nơi công tác</b>
2018 – nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2017 – 2018	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 – 2023	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Hữu nghị Việt Nam – Mỹ La Tinh
2014 – 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Sắc đẹp phụ nữ
2009 – 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Công nghệ và Phát triển Hạ tầng Viễn thông Unitel
2008 – 2018	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex
2006 – 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân VINA
2009 – 2017	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel (hiện nay là SHB FC)
2008 – 2014	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần đầu tư Thùy Dương
2008 – 2014	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam
2006-2015	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Phát triển Vina Phú Gia
2006-2008	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
2005-2006	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân Hàng Tân Việt (sau đổi tên thành Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương)
2002-2005	Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, trưởng phòng Thu xếp vốn và tín dụng doanh nghiệp	Công ty Tài chính Dầu khí
1996-2002	Phó trưởng phòng Quan hệ Quốc tế Phó trưởng phòng Phòng Tổng hợp thanh Toán	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1993-1996	Học thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Đại học Tổng hợp Edith Cowan Australia
1987-1993	Chuyên viên phòng Quan hệ Quốc tế	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1985-1987	Nghĩa vụ quân sự	Sư đoàn 304, quân đoàn 2



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1984-1985	Chuyên viên phòng vay nợ, viện trợ	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 176.665 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
  - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.640	1.980	176.665	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 88.332.500 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

**10.1.4. Bà Ngô Thu Hà – Thành viên HĐQT**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nơi công tác</b>
09/2022 – nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
07/2022 – 08/2022	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2017 – 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2014 – 2015	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2022	Ủy viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đồng Xuân
2012 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần chứng khoán SHBS
2011 - 2022	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2009 - 2011	Phó phòng phụ trách/Trưởng Phòng KHTH	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2009	Trợ lý TGD	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
1999 - 2008	Chuyên viên thẩm định dự án Phòng đầu tư phát triển	Công ty Điện toán và Truyền số liệu - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
1994 - 1999	Chuyên viên	Ngân hàng Tokyo Mitsubishi – Hà Nội (VPDD và Chi nhánh)

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 2.854.347 cổ phần, tương ứng 0,078% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
  - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:



**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
3.088	2.766	219.586	+ Năm 2023: 401.912 cổ phiếu + 9 tháng đầu năm 2024: 1.427.173.500 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

**10.1.5. Ông Phạm Viết Dân – Thành viên HĐQT**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2020 - 2023	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2022	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2016	Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro, Khối khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam
2000 - 2007	Phó Phòng	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
1995 - 2000	Sinh viên	Dại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh
1992 - 1995	Nhân viên	Công ty Phong Lan

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 140.729 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 15.605 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

**Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024**

- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
  - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
1.585	1.773	140.729	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 70.364.500 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

**10.1.6. Ông Đỗ Văn Sinh – Thành viên HĐQT độc lập**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2021	Ủy viên Thường trực Ủy Ban Kinh tế	Quốc hội
2004 - 2016	Phó Tổng Giám đốc	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1995 - 2004	Trưởng ban kế hoạch tài chính	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1987 - 1995	Kế toán trưởng	Đài Tiếng nói Việt Nam